TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/DS-PT
Ngày: 05 – 6 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1953. Địa chỉ: ấp Bào S, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1963

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Lê Văn T sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Mỹ Q, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc T. (Vắng mặt)

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L. (Vắng mặt)

3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Bào S, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L. (Vắng mặt)

4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp 33, xã Minh D, huyện Hòa B, tỉnh Bạc L. (Vắng mặt)

5. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp Bào S, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L. (Vắng mặt)

Người giám dộ của ông Lê Thanh B: Bà Lê Thúy H, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp Tam H, xã Vĩnh H, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L.

6. Bà Trần Thị C, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

7. Ông Lê Chí H, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

8. Ông Lê Chí B, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

9. Ông Lê Chí T, sinh năm 2002. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L.

10. Bà Nguyễn Ngọc N (H), sinh năm 1971. (Vắng mặt)

11. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

12. Ông Võ Quốc T, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L.

13. Ông Phạm Thanh D, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Mỹ Q, thị xã Ngã N, tỉnh Sóc T. (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn L.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông C (ông C là cha ruột ông T và ông L), cho ông T. Đến năm 1982, ông T chuyển nhượng cho ông ngang 18 tầm, dài 40m (không bao gồm con kênh thủy lợi có chiều ngang 6m), không làm giấy tờ, giá chuyển nhượng 12 gia lúa Trắng Hòa Bình, có anh em trong nhà biết gồm bà Lê Thị T, ông Lê Văn B. Ngoài ra, còn có ông Nguyễn Văn B (cha bà N), ông Nguyễn Văn K (Nguyễn Xuân K), ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn M, bà Trương Thị O biết. Năm 2006 ông L chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà N ngang 21m, dài 10 tầm bằng 30.000.000 đồng

Nay, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà L trả cho ông L phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 397,4m^2.

Bị đơn ông Lê Văn T, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông T là em ruột ông Lê Văn L. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông Lê Văn C, cho ông vào năm 1984, có diện tích 9.234m^2 (bao gồm luôn phần đất tranh chấp), khi cho đất không đo đạc thực tế, vì là cha con nên không có làm giấy tờ và ông T sử dụng ổn định, ông L chưa từng sử dụng. Vì hoàn cảnh khó khăn nên ông T đi làm thuê ở Cà Mau, đến năm 1999 ông T về sử dụng phần đất đến nay. Phần đất tranh chấp hiện ông T đứng tên sổ mục kê, chưa được cấp quyền sử dụng đất. Việc ông L chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho bà Ngò thì ông T không biết. Nay ông T, bà L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N thống nhất lời trình bày: Vào năm 2006, vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông L phần đất vườn tạp chiều ngang 21m, dài 10 tầm, đất tọa lạc ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vĩnh L, giá 30.000.000 đồng, vợ chồng ông T, bà N đã giao đủ tiền cho ông L. Do ông T ngăn cản nên đến nay vẫn chưa được cấp quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng ông T, bà N yêu cầu ông L tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2006 đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế 397,4m^2, không yêu cầu diện tích có nhà ông T, vì ông T đã xây nhà ở ổn định. Từ lúc nhận chuyển nhượng đến nay vợ chồng ông T, bà N chưa từng sử dụng đất. Trường hợp không công nhận hợp đồng thì vợ chồng ông T, bà N yêu cầu Tòa án xem xét lỗi và buộc ông L bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông T, bà N theo giá thị trường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông L, ông T là của cha các bà là ông Lê Văn C cho lại ông T, cho năm nào các bà không nhớ. Riêng giữa ông L với ông T có giao dịch gì với nhau liên quan phần đất tranh chấp thì các bà không rõ. Ngoài ra, các bà không đặt ra tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này đối với phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp hiện nay giữa ông L, ông T là của cha chồng bà là Lê Văn C, chồng bà tên Lê Văn B đã chết, cho lại ông T, cho năm nào các bà không nhớ, ông T sử dụng phần đất tranh chấp từ xưa đến nay. Riêng giữa ông L với ông T có giao dịch gì với nhau liên quan phần đất tranh chấp thì bà không rõ. Ngoài ra, bà không đặt ra tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này đối với phần đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B do chị Lê Thuý H giám hộ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh D, ông Lê Chí B, Lê Chí H, bà Nguyễn Ngọc N thống nhất trình bày: Các ông, bà không hiểu biết gì về nguồn gốc, quá trình sử dụng kê khai đăng ký liên quan đến phần đất tranh chấp. Các ông, bà không đặt ra tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này đối với phần đất tranh chấp.

Từ những phân tích trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, quyết định.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L đối với ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L về việc đòi quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực 397,4 m^2 tại ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vịnh L, tỉnh Bạc L.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Văn L về việc công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn L.

- Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn L lập ngày 26 tháng 6 năm 2006 vô hiệu. Buộc ông Lê

Văn L trả cho ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Văn L về việc giải quyết hậu quả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do ông T, bà N rút một phần yêu cầu độc lập.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 ông Lê Văn L kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Ông Lê Văn L yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông T trả lại cho ông phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 397,4m^2.

Bà Trịnh Hồng N, là Trợ giúp viên của Trung tân trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Văn C cha của ông L và ông T. Ông C cho phần đất cho ông T và ông T sử dụng một thời gian, thì chuyển nhượng lại cho ông L. Đến năm 2006 thì ông L chuyển nhượng lại cho bà N, trong đó có phần đất ông L và ông T đang tranh chấp. Xét về chứng cứ thì những căn cứ ông L đưa ra là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ông Lê Văn L nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T, ông Lê Thúy H, bà Trần Thị C, ông Lê Chí H, ông Lê Chí B, ông Lê Chí T, bà Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị N, ông Võ Quốc T, ông Phạm Thanh D vắng mặt có đơn xin xét xử vắng

mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tất cả các đương sự thống nhất xác định, đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Lê Văn C là cha của ông T và ông L tặng cho ông T. Các anh em của ông L và ông T đều biết, nhưng việc tặng cho đất năm nào thì họ không nhớ. Đồng thời tất cả các anh em trong gia đình không ai tranh chấp phần đất này.

[2.2] Như vậy, có căn cứ xác định đất tranh chấp giữa ông L và ông T là của ông T. Ông L cho rằng đã nhận chuyển nhượng của ông T, trong khi Ông T không thừa nhận nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về ông L.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Văn L yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[3.1] Như nhận định, đất tranh chấp các bên thống nhất là của ông T, ông L cho rằng ông T đã chuyển nhượng cho ông nhưng trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên Tòa phúc thẩm ông L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là đã nhận chuyển nhượng đất của ông T.

[3.2] Xét quá trình sử đất ông L cho rằng ông sử dụng đất từ năm 1982, đến năm 2006 ông chuyển đất lại cho vợ chồng bà N. Tuy nhiên, ông T xác định đất tranh chấp từ trước đến nay ông L chưa từng sử dụng, cũng như vợ chồng bà N cũng chưa từng sử dụng, mà phần đất tranh chấp do gia đình ông T sử dụng. Căn cứ vào biên bản, đo đạc, thẩm định xác định trên đất có nhà và tài sản của ông Trắc, nên có cơ sở xác định đất tranh chấp do ông trắc sử dụng, ông L và vợ chồng bà N không có sử dụng đất.

[3.3] Ngoài ra, ông L có cung cấp cho Toà án các quyết định của UBND huyện Vĩnh Lợi giải quyết phần đất tranh chấp gồm:

- Quyết định 125/QĐ.UBB ngày 25/6/1992 của UBND huyện Vĩnh Lợi về việc giải quyết tranh chấp ruộng đất giữa ông Lê Văn C và ông Lê Văn T. Thấy rằng, nội dung Quyết định này chỉ giải quyết tranh chấp đất giữa ông Lê Văn C với ông Lê Văn T, chứ không có nội dung nào giải quyết tranh chấp đất giữa ông L với ông T. Quyết định số 329/QĐ.UBB ngày 25/8/1997 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lợi về việc bồi hoàn giá trị đất cho ông Lê Văn L, Quyết định này chỉ có nội dung giao cho UBND xã Châu Thới bồi hoàn giá trị đất cho ông L. Như vậy, các văn bản mà ông L cung cấp đều không có nội dung nào liên quan đến tranh chấp giữa ông L với ông T.

- Đối với Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi giải quyết chia đôi phần đất 810,965m^2, thửa 130, tờ bản đồ số 8, toạ lạc ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vĩnh L, tỉnh Bạc L, cụ thể công nhận cho ông L diện tích 405,9m^2, công nhận cho ông T diện tích 405,065m^2. Tuy nhiên, sau khi nhận được Quyết định nêu trên, ông T đã khiếu nại và đến năm 2020, Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 12/02/2020

về việc thu hồi, huỷ bỏ Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi. Như vậy, phần đất quay về nguồn gốc của ông Lê Văn C. Phía ông L khẳng định, ông L không đặt ra tranh chấp hay khiếu nại gì đối với Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi, mà ông L chỉ khởi kiện tại Tòa án đòi phần đất tranh chấp đối với ông T.

[3.4] Tại Công văn số 162/TNMT ngày 09/8/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Lợi xác định phần đất tranh chấp 397,4m^2 thuộc thửa 82, tờ bản đồ số 48 chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, hiện tại do ông Lê Văn T đứng tên sổ mục kê năm 2017. Tại công văn số 102/UBND-NC ngày 13/01/2022 Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Lợi xác định "*phần đất tranh chấp có một phần diện tích nằm trong lòng kênh cũ đã bị bồi lắng không còn sử dụng, nếu cá nhân sử dụng trước ngày 01/7/2014, phù hợp với quy hoạch sử dụng và đất không tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định*".

[3.5] Theo nội dung các Quyết định trên phần đất tranh chấp đã quay về nguồn gốc của cụ Lê Văn C. Tuy nhiên, những người thuộc hàng thừa kế của cụ C đều không đặt ra tranh chấp gì trong vụ án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.6] Như vậy, ngoài việc trình bày cho rằng đã nhận chuyển nhượng đất của ông T thì ông L không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của ông là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông T là đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn L và yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông L. Chấp nhận ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01//2023/DS-ST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm miễn cho ông Lê Văn L.

Các phần khác của Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 167, 168, 188 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 425, 689, 691, 697, 698 và Điều 701 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Lưu đối với ông Lê Văn Trắc, bà Nguyễn Thị L về việc đòi quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực 397,4 m^2 tại ấp Giồng B, xã Châu T, huyện Vịnh L, tỉnh Bạc L có vị trí, số đo như sau:

Hướng đông giáp phần đất Lê Thị Tuyến đang sử dụng;

Hướng tây giáp sông Giồng Bướm A;

Hướng nam giáp đất ông Lê Văn Trắc đang sử dụng;

Hướng bắc giáp đất ông Lê Văn Bền.

(*Trích đo thửa đất tranh chấp là bộ phận không thể tách rời bản án*)

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Văn L về việc công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn L đối với phần đất có vị trí, diện tích như ở phần 1 quyết định của Bản án này.

3. Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N với ông Lê Văn L lập ngày 26 tháng 6 năm 2006 vô hiệu.

Buộc ông Lê Văn L trả cho ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Văn L về việc giải quyết hậu quả hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do ông T, bà N rút một phần yêu cầu độc lập.

6. Về án phí :

[6.1] Án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm do ông Lê Văn L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

[6.2] Ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Ông Võ Quốc T, bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0000903 ngày 07/3/2022 được chuyển thu án phí.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn L phải chịu số tiền 1.515.140 đồng (một triệu năm trăm mười lăm nghìn một trăm bốn mươi đồng). Ông Lê Văn L đã nộp tạm ứng số tiền 1.515.140 đồng (một triệu năm trăm mười lăm nghìn một trăm bốn mươi đồng đã chi phí hết không được hoàn lại.

8. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lệ Kiều